ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4633 /UBND-KT	*Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 7 năm 2017*
V/v rà soát, xây dựng và triển khai thực hiện công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh	

BAN DÂN TỘC QUẢNG NGÃI
ĐẾN Số: 927
Ngày: 03/8/2017
Chuyển:

Kính gửi: Ban Dân tộc tỉnh

Theo nội dung đề nghị của Ủy ban Dân tộc tại Báo cáo số 92/BC-UBDT ngày 12/7/2017 về tình hình công tác dân tộc, chính sách dân tộc địa bàn 10 tỉnh khu vực miền Trung – Tây Nguyên *(bản chụp đính kèm)*, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Để việc tổ chức triển khai thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh được kịp thời, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, giao Ban Dân tộc tỉnh chủ động rà soát, nghiên cứu các nội dung đề nghị của Ủy ban Dân tộc tại văn bản nêu trên; kịp thời phối hợp với các sở ngành, địa phương có liên quan tham mưu và đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo thực hiện công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền hoặc báo cáo, kiến nghị với cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ủy ban Dân tộc (b/cáo);
- TT. Tỉnh ủy (b/cáo);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Nội vụ;
- VPUB: C,PCVP(KT, VX), VX, NC, CB;
- Lưu: VT, KTviệt390.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Trường Thọ

ỦY BAN DÂN TỘC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 92/BC-UBDT	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2017

VĂN PHÒNG UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
ĐẾN Chuyển: PKT
Ngày: 19.7.2017
A Việt 19/7

BÁO CÁO
Tình hình công tác dân tộc, chính sách dân tộc địa bàn 10 tỉnh khu vực Miền Trung - Tây Nguyên

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Địa bàn 10 tỉnh khu vực Miền Trung - Tây Nguyên (thuộc Vụ Địa phương II theo dõi) gồm các tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đăk Nông và Lâm Đồng, có diện tích đất tự nhiên là 83.760,80 km^2; đơn vị hành chính gồm: 12 thành phố trực thuộc tỉnh, 08 thị xã và 103 huyện, có 1.568 đơn vị cấp xã (trong đó, có 1.292 xã, 183 phường, 93 thị trấn). Toàn vùng có 3.076 thôn đặc biệt khó khăn, 337 xã khu vực III, 479 xã khu vực II và 264 xã khu vực I (*Theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ*). Có 15 huyện nghèo được hưởng chính sách hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ *(huyện 30a)* và 07 huyện nghèo hưởng chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 15/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ *(huyện 30b). (Phụ Lục 1).*

II. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ AN NINH CHÍNH TRỊ

1. Tình hình sản xuất và đời sống

Trong 6 tháng đầu năm 2017, tình hình sản xuất và đời sống của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tương đối ổn định. Sản xuất nông nghiệp được thuận lợi, năng suất vụ lúa đông xuân 2016-2017 đều tăng so với vụ đông xuân trước[1]. Hiện nay, các địa phương đã gieo trồng các loại hoa màu vụ hè thu và tiếp tục chăm sóc các loại cây công nghiệp lâu năm (cà phê, hồ tiêu, điều ...). Tuy nhiên, ở một số nơi do thời tiết thay đổi thất thường tạo điều kiện cho các loại nấm, sâu bệnh hại phát triển gây thiệt hại nhiều diện tích cây trồng trên địa bàn[2]; giá cả một số mặt hàng nông sản và giá heo hơi giảm mạnh, khó khăn trong sản xuất và chăn nuôi. Bên cạnh đó, liên tiếp xảy ra các trận mưa to kèm lốc xoáy

[1] Quảng Nam đạt 46 tạ/ ha tăng 5,1 tạ; Đăk Lawk tổng sản lượng lương thực có hạt vụ đông xuân đạt 260.384 tấn,đạt 121%,vượt so với kế hoạch, tăng 31.256 tấn so với vụ đông xuân trước; Kon Tum ước sản lượng thu 20.250 tấn, tăng 1.152 tấn; ...

[2] Tỉnh Lâm Đồng bọ xít muỗi làm hại 27.834 ha điều, 41.500 ha cây cà phê bị nhiễm nặng và 1.439,5 ha nhiễm trung bình; tại tỉnh ĐắkLắk sâu bệnh làm hại 57,55 ha cây cà phê.

đã làm thiệt hại nhiều nhà cửa, tài sản và diện tích hoa màu của người dân trên địa bàn[3].

Công tác phát triển rừng được các địa phương quan tâm đang tích cực triển khai thực hiện, riêng các tỉnh Tây Nguyên được Bộ NN&PTNT giao kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2017: trồng 12.559 ha rừng tập trung, trồng 4.669 ha rừng thay thế, chăm sóc 21.581 ha rừng trồng, khoán bảo vệ 221.232 ha rừng, bảo vệ 212.744 ha rừng đặc dụng, khoanh nuôi tái sinh 12.505 ha rừng, trồng cây phân tán 4,57 triệu cây. Công tác quản lý và bảo vệ rừng tuy được các địa phương chỉ đạo quyết liệt, song tình trạng chặt phá rừng trái phép làm nương rẫy, vi phạm lâm luật vẫn tiếp diễn, đặc biệt là tại các tỉnh KonTum, Đắk Lắk, Đắk Nông và Quảng Ngãi[4] đến thời điểm tháng 5 đã có 327 vụ chặt phá rừng với 178,16 ha rừng bị tàn phá.

2. Về văn hóa - xã hội

Dịp Tết Đinh Dậu, các cấp ủy và chính quyền địa phương đã tổ chức đi thăm hỏi, động viên chúc tết tặng quà cho các gia đình chính sách, bà mẹ Việt Nam anh hùng, đồng bào DTTS nghèo, người có uy tín và tổ chức đón tết cho vùng đồng bào DTTS và miền núi, đồng bào các dân tộc trong khu vực đón Tết trong không khí vui tươi, lành mạnh, an toàn và tiết kiệm.

Các địa phương làm tốt công tác tuyên truyền vận động đồng bào chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của nhà nước, tích cực hưởng ứng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh".

Các hoạt động văn hóa, thể thao được tổ chức sôi nổi ở hầu khắp các địa phương, mừng Đảng, mừng xuân, mừng các ngày lễ lớn và các sự kiện trọng đại của đất nước. Chào mừng 71 năm Ngày truyền thống của cơ quan làm công tác dân tộc (03/5/1946 - 03/5/2017), cơ quan công tác dân tộc các địa phương tổ chức tọa đàm ôn lại truyền thống vẻ vang của ngành. Ban Dân tộc tỉnh Kon Tum đăng cai tổ chức Hội thao chào mừng ngày truyền thống của Ngành, tham gia có các đoàn của 10 Ban Dân tộc thuộc khu vực Tây Nguyên, Miền Trung và Đông Nam bộ.

Chính sách về giáo dục và đào tạo được các địa phương quan tâm thực hiện đầy đủ, các chế độ cho giáo viên và học sinh được thực hiện hỗ trợ kịp thời, đúng

---

[3] Xảy ra nhiều nhất tại các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk và Lâm Đồng. Tỉnh *ĐắkLắk* xảy ra 16 vụ lốc tố, giông sét, mưa đá làm hư hỏng 207 nhà dân, 20 phòng học, gãy đổ 22 ha cây ăn quả, chết 02 con trâu; mưa lớn gây lũ, ngập lụt cục bộ đã làm 1.462 ha cây trồng bị ảnh hưởng do ngập luạt, trong đó 1.257 ha lúa, 205 ha ngô và rau màu các loại, số diện tích cây trồng bị ngập có khả năng bị mất trắng do bùn, cát bồi lấp. Tại tỉnh *Lâm Đồng*, thuộc địa bàn huyện cát Tiên và Bảo Lâm mưa giông, lốc xoáy đã làm thiệt hại nhiều tài sản, nhà cửa của người dân, trong đó làm lốc mái hoàn toàn của 19 căn nhà và nhiều tài sản khác của đồng bào DTTS.

[4] Tại tỉnh *Đăk Nông* tính đến tháng 5/2017 xảy ra 264 vụ phá rừng trái phép với 163,97 ha rừng bị phá; 11 vụ lấn chiếm đất rừng; 14 vụ khai thác lâm sản trái pháp luật; 28 vụ mua bán, vận chuyển gỗ và lâm sản trái phép ... đã xử lý hành chính 121 vụ; tịch thu 221,81 m^3 gỗ các loại, tổng số tiền sau xử lý là 623,9 triệu đồng; tại tỉnh *Kon Tum* xảy ra 52 vụ phá rừng làm nương rẫy với diện tích là 7,92 ha, tăng 50 vụ so với cùng kỳ năm trước; tỉnh *Đắk Lắk* từ đầu năm đến tháng 5/2017 đã xảy ra 462 vụ vi phạm tài nguyên rừng, tịch thu 660,264 m^3 gỗ, tạm giữ 58 xe các loại (ô tô 06 chiếc, xe cày càng 10 chiếc, xe máy 42 chiếc); tỉnh *Quảng Ngãi* trên địa bàn huyện miền núi đã xảy ra 11 vụ phá rừng với diện tích rừng bị phá hại là 6,27 ha (2,18 ha rừng phòng hộ, 4,09ha rừng sản xuất).

đối tượng. Hệ thống trường PTDTNT, PTDT bán trú từng bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy, học tập cho giáo viên và học sinh được đảm bảo. Số học sinh, sinh viên là đồng bào DTTS đang theo học tại các trường cao đẳng, đại học ngày càng tăng. Cùng với toàn ngành, các trường dân tộc nội trú chuẩn bị xét, thi tuyển sinh vào lớp 6, lớp 10 và thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2017.

Đào tạo nghề và giải quyết việc làm sau đào tạo cho vùng đồng bào DTTS và miền núi được các địa phương quan tâm thực hiện, các tỉnh Đắk Lắk,Gia Lai, Quảng Nam, Quảng Ngãi đã đào tạo nghề cho 9.811[5] học viên. Riêng tỉnh Quảng Nam hiện có 407 lao động hoàn thành chương trình đào tạo, trong đó 269 lao động được bàn giao cho doanh nghiệp.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho đồng bào DTTS nghèo và người nghèo vùng sâu, vùng khó khăn được quan tâm thực hiện thường xuyên; hỗ trợ và cấp phát thẻ BHYT cho đồng bào DTTS nghèo được kịp thời[6] thuận lợi cho người dân đi khám chữa bệnh BHYT ban đầu tại các cơ sở. Công tác tuyên truyền phòng chống các loại dịch bệnh trong vùng đồng bào DTTS được tăng cường, nhằm hạn chế thấp nhất các dịch bệnh xảy ra. Tuy nhiên, bệnh sốt xuất huyết, bệnh tay - chân - miệng, thủy đậu ... vẫn xảy ra tại một số địa phương[7]. Riêng tỉnh Quảng Nam dịch bệnh Bạch hầu đã làm 03 người DTTS tử vong.

Công tác xóa đói giảm nghèo được các địa phương tích cực triển khai thực hiện, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào DTTS được cải thiện đáng kể, tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS hàng năm giảm khoảng từ 2-3%, trong đó điển hình như tỉnh Lâm Đồng giảm 4,32%, Phú Yên giảm từ 4-5%. Tuy nhiên, so với mặt bằng chung của toàn vùng thì tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS vẫn còn cao, đặc biệt là tại các tỉnh Kon Tum chiếm 92,81%; Bình Định 75,33%; Khánh Hòa chiếm 57,9%; Quảng Ngãi chiếm 51,46%; Đăk Nông chiếm 40,39% .

3. Về an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào DTTS khu vực Miền Trung - Tây Nguyên ổn định. Các tổ chức tôn giáo truyền thống hoạt động bình thường tuân thủ theo quy định của pháp luật. Lực lượng chức năng thường xuyên nắm bắt tình hình, tăng cường công tác tuần tra tại cơ sở, vùng biên, đặc biệt là vào các ngày cao điểm, ngày lễ, tết để giữ vững an ninh trật tự tại địa phương. Tuy nhiên, tình hình vượt biênvùng đồng bào vẫn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, Fulro lưu vong vẫn chưa từ bỏ ý định chia rẽ đại đoàn kết dân tộc, chống phá nhà

---

[5] Quảng Nam: 1.022 người trong đó DTTS 583 người; Quảng Ngãi: 250 người; Gia Lai: 3.176 người (trong đó DTTS 1.055 người); Đăk Lăk: 5.363 người.

[6] Quảng Nam: 15.925; Quảng Ngãi: 477.832: Kon Tum:456.369 thẻ; Gia Lai 422.053; Đăk Lawk: 1.363.510; Đăk Nông: 17340

[7] Tính đến tháng 5/2017: Tại tỉnh *Đăk Nông* đã ghi nhận 169 ca, tăng 33 ca so với cùng kỳ năn trước; sốt rét 85 ca, tăng 10 ca so với cùng kỳ năm trước; bệnh Tay - Chân - Miệng 111 ca, tăng 79 ca so với cùng kỳ; tỉnh *Kon Tum*, 56 ca mắc bệnh sốt xuất huyết Dengue giảm 90 ca so với cùng kỳ năm trước; 42 ca bệnh tay - chân - miệng, giảm 71 ca so với cùng kỳ năm trước; 605 ca mắc bệnh thủy đậu, tăng 111 ca so với cùng kỳ năm trước; 24 ca mắc bệnh quai bị; Bệnh Sốt rét 55 ca mắc, giảm 45 ca so với cùng kỳ năm trước. Quảng Nam 6 tháng đầu năm, tại huyện Tây Giang xuất hiện dịch bệnh Bạch hầu khiến 03 người tử vong vào đầu tháng 1 và cuối tháng 4/2017, đến nay dịch bệnh bạch hầu cơ bản được khống chế, không có dấu hiệu lây lan.

nước ta; tình hình người DTTS Tây Nguyên vượt biên tuy có giảm nhưng vẫn xảy ra, hiện nay số người DTTS vượt biên đang ở nước ngoài là 408 người (trong đó 68 người ở Camphuchia, 340 người ở Thái Lan); Hoạt động tà đạo "Hà Mòn" tuy có giảm nhưng vẫn còn diễn ra, một số đối tượng cốt cán trốn trong rừng vẫn thường xuyên liên lạc, tuyên truyền củng cố niềm tin vào "Đức Mẹ", hiện nay còn 93 trường hợp trên địa bàn của các tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk còn tin theo đạo Hà Mòn.

4. Về dân di cư tự do

Tình hình dân di cư tự do vào các tỉnh Tây Nguyên tuy đã giảm nhưng vẫn còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp. Hiện nay, trên địa bàn các huyện M'Drắk, Krông Bông, tỉnh ĐắkLắk nhiều hộ đồng bào (chủ yếu là người Mông) bán hết tài sản, ruộng đất di ra khỏi địa phương không rõ nguyên nhân; địa bàn huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng hiện còn 502 hộ với 2.584 khẩu dân di cư tự do (chủ yếu là người Mông, Dao) chưa được bố trí ổn định, việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội gặp khó khăn do công tác quản lý phức tạp, giao thông đi lại khó khăn.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC

1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện

Các cấp, các ngành Trung ương và địa phương đã tập trung chỉ đạo, triển khai đồng bộ các chính sách, tạo bước chuyển biến tích cực trong đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số. Bên cạnh các chính sách của Trung ương ban hành, các địa phương đã ban hành các chính sách thực hiện trên địa bàn ưu tiên các nguồn lực để đầu tư, thực hiện các chính sách cho đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Kết quả thực hiện các chính sách dân tộc năm 2016 và 6 tháng đầu năm 2017 của khu vực

2.1. Các chương trình, chính sách dân tộc do Ủy ban Dân tộc quản lý

- Chương trình 135 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020:

Năm 2016, 10 tỉnh trong khu vực được được đầu tư 445 xã đặc biệt khó khăn, biên giới, xã an toàn khu[8] và có 714 thôn, bản[9] ĐBKK thuộc xã khu vực II, với tổng vốn là 714.857 triệu đồng, thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất, duy tu bảo dưỡng công trình và nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng, kết quả thực hiện và giải ngân đến 31/12/2016 đạt trên 90% kế hoạch. Các hạng mục công trình được đầu tư xây dựng và hỗ trợ phát triển sản xuất ... đều xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng thực tế của người dân, các công trình hoàn thành đưa vào sử dụng cơ bản đều phát huy hiệu quả, đảm bảo chất lượng và phục vụ lợi ích thiết thực cho người dân vùng hưởng lợi, được người dân đồng tình ủng hộ. Tuy nhiên do nguồn vốn phân bổ chậm đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện.

---

[8] Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ

[9] Quyết định số 75/QĐ-UBDT ngày 29/02/2016 của UBDT phê duyệt danh sách thôn ĐBKK vào diện đầu tư của CT 135 năm 2016

Thực hiện Chương trình 135 năm 2017, Ủy ban Dân tộc đã có Công văn số 130/UBDT-VP135 ngày 22/02/2017 hướng dẫn các tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Ngày 10/5/2017, Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban ban hành Thông tư số 01/2017/TT-UBDT hướng dẫn thực hiện Chương trình 135, xây dựng phương án phân bổ vốn viện trợ của Chính phủ Ai Len cho các xã ĐBKK thuộc Chương trình; tăng cường công tác truyền thông về CT 135; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng Kế hoạch phân bổ vốn năm 2017 và dự kiến phân bổ nguồn vốn giai đoạn 2018- 2020; phối hợp với các bộ, ngành xây dựng các Thông tư quy định về quản lý và sử dụng vốn đầu tư, kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQGGNBV giai đoạn 2016- 2020; Thông tư quy định thực hiện dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình MTQGGNBV giai đoạn 2016- 2020. Tổng hợp, xác định danh mục xã, thôn và dự thảo Quyết định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã, Quyết định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn thuộc diện đầu tư của Chương trình.

Tại các địa phương, Ban Dân tộc các tỉnh đã phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu cho UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo các CTMTQG thống nhất ở cấp tỉnh, huyện, xã. UBND các tỉnh đã xây dựng và ban hành nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn ngân sách TW thực hiện CT 135, dảm bảo tập trung nguồn lực cho các xã, thôn khó khăn nhất trên địa bàn.

Năm 2017, Chương trình 135 kế hoạch vốn cho 10 tỉnh của khu vực 751.489 triệu đồng. Trong đó vốn ĐTPT: 556.800 triệu đồng; DTBD: 33.634 triệu đồng; đào tạo: 13.940 triệu đồng và hỗ trợ PTSX 147.115 triệu đồng (trong đó phát triển sản xuất: 138.915 triệu đồng, nhân rộng mô hình: 5.500 triệu đồng) để thực hiện trong năm 2017. *(Phụ lục 2).*

Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng: Hầu hết các địa phương đang tiến hành các thủ tục chuẩn bị hồ sơ thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình hạ tầng và duy tu bảo dưỡng. Đối với Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo, do Bộ Nông nghiệp và PTNT chưa ban hành hướng dẫn, một số địa phương đã chủ động thực hiện các hoạt động của dự án theo hướng dẫn của Thông tư 05 và hướng dẫn của địa phương. Dự án nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở, các địa phương đang tiến hành rà soát, lập danh sách đối tượng và nhu cầu năng lực để xây dựng kế hoạch thực hiện.

- Chính sách theo Quyết định 755/QĐ-TTg:

Năm 2016, Đề án đã hết thời gian thực hiện nhưng vẫn tiếp tục triển khai thực hiện từ nguồn vốn được bổ sung năm 2015 chuyển sang và được Thủ tướng Chính phủ cho phép thực hiện đến hết năm 2016. Toàn khu vực được bố trí vốn 236.068 triệu đồng (trong đó, 19.480 triệu đồng ngân sách địa phương) để hỗ trợ cho các hộ thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo, vùng khó khăn. Kết quả thực hiện và giải ngân đạt trên 70% kế hoạch. Trong quá trình triển khai thực hiện các địa phương trong tỉnh đã gặp rất nhiều khó khăn do quỹ đất của các địa phương không còn, giải pháp khác để thay thế

đất sản xuất bằng chuyển đổi ngành nghề, đào tạo nghề, xuất khẩu lao động, giao khoán bảo vệ và trồng rừng các địa phương triển khai hiệu quả còn thấp. Riêng tỉnh ĐắkLắk sau khi điều chỉnh nội dung hỗ trợ, địa bàn đầu tư, danh mục dự án đã thực hiện và giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn giao.

Các đối tượng chưa được thụ hưởng chính sách theo Quyết định trên được tiếp tục thụ hưởng chính sách tại Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020 .

- Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC theo Quyết định số 33/2013/QĐ TTg

Đề án đã hết thời gian thực hiện nhưng vẫn tiếp tục triển khai thực hiện từ nguồn vốn được bổ sung năm 2015 chuyển sang và được Thủ tướng Chính phủ cho phép thực hiện đến hết năm 2016. Đối với các đối tượng chưa được thụ hưởng chính sách theo các Quyết định trên, Ủy ban Dân tộc đề xuất được tiếp tục thụ hưởng chính sách tại Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Năm 2016, toàn khu vực được bố trí 153.550 triệu đồng, thực hiện đầu tư các điểm ĐCĐC tập trung và hỗ trợ ĐCĐC xen ghép. Tiến độ thực hiện của một số địa phương chậm, khối lượng các hạng mục công trình đạt thấp. Hiệu quả của chính sách đạt chưa cao so với mục tiêu đề ra.

- Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân nghèo vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg (Phụ lục 3)

Năm 2016, các địa phương được bố trí 117.320 triệu đồng để thực hiện chính sách, nhiều địa phương thực hiện đạt 100% kế hoạch. Việc hỗ trợ của chính sách đã góp phần cùng với các chính sách khác của Nhà nước giải quyết những khó khăn, bức xúc về đời sống tạo điều kiện hỗ trợ cho hộ nghèo phát triển sản xuất, vươn lên thoát nghèo. Tuy nhiên, định mức hỗ trợ theo quy định còn quá thấp, trong khi giá cả các mặt hàng thiết yếu và vật tư nông nghiệp đều tăng mạnh. Bên cạnh đó việc hỗ trợ của một số địa phương chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của người dân, rà soát đối tượng thụ hưởng có nơi còn chậm dẫn đến việc hỗ trợ không kịp thời, đã làm giảm hiệu quả của chính sách.

Năm 2017, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ tại cuộc họp ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020: Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg được giao Bộ Lao động, Thương binh và xã hội chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban Dân tộc nghiên cứu đề xuất tích hợp vào Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, thông qua việc bổ sung nguồn vốn vào Chương trình để thực hiện Dự án hỗ trợ sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo. Để tháo gỡ cho các địa phương trong quá trình thực hiện Quyết định 102/2009/QĐ-TTg năm 2017 cũng như hướng dẫn thực hiện chính sách trong

năm tới, Ủy ban Dân tộc đã ban hành văn bản số 218/UBDT-CSDT ngày 13/3/2017 và báo cáo 7 năm thực hiện Quyết định 102/2009/QĐ-TTg gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị phối hợp thực hiện theo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ.

Kế hoạch vốn thực hiện năm 2017 của các tỉnh là 111.976 triệu đồng, để hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp ... phát triển sản xuất cho các hộ nghèo vùng khó khăn trên địa bàn. Các địa phương đang tích cực triển khai thực hiện.

- Chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ DTTS ĐBKK theo Quyết định 54/2012/QĐ-TTg

Năm 2016, Đề án đã hết thời gian thực hiện nhưng vẫn tiếp tục triển khai thực hiện từ nguồn vốn được bổ sung năm 2015 chuyển sang và được Thủ tướng Chính phủ cho phép thực hiện đến hết năm 2016.

Có 8.570 hộ nghèo trong khu vực được vay vốn, với tổng kinh phí là 87.794 triệu đồng, để đầu tư phát triển sản xuất trồng trọt và chăn nuôi. Các địa phương đã triển khai thực hiện vốn vay đúng đối tượng thụ hưởng, nhờ có thêm vốn vay đã giúp cho các hộ đồng bào DTTS đặc biệt khó khăn ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn có vốn để phát triển sản xuất, ổn định đời sống, vươn lên thoát nghèo. Tuy nhiên, do định mức cho vay thấp (8 triệu đồng/ hộ), trong khi thị trường các mặt hàng như: con vật nuôi, giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ và nông cụ sản xuất giao động tăng, nên không đáp ứng được nhu cầu phát triển sản xuất của người dân.

Các đối tượng chưa được thụ hưởng chính sách theo các Quyết định trên được tiếp tục thụ hưởng tại Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18/3/2011 và Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg ngày 07/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ (Phụ lục 4)

Năm 2016, toàn khu vực có 4.918 người uy tín và kinh phí thực hiện là 11.755,71 triệu đồng. Các địa phương đã quan tâm thực hiện chế độ chính sách theo quy định: tổ chức lớp tập huấn, tổ chức đoàn người uy tín đi tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm,... vai trò, trách nhiệm của người có uy tín được phát huy và có những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế xã hội, giữ gìn an ninh trật tự tại địa phương. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, chính sách vẫn còn một số bất cập về nội dung, cơ chế, định mức thực hiện, cần sửa đổi và thay thế cho phù hợp với tình hình thực tế.

Năm 2017, chính sách người có uy tín được tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg, Quyết định 56/2013/QĐ-TT và Quyết định 2561/QĐ-TTg ngày 31/12/2016 Đề án "Tăng cường vai trò của người uy tín trong vùng DTTS". Ủy ban Dân tộc đã ban hành các văn bản số 257/UBDT-DTTS ngày 21/3/2017 gửi các địa phương và văn bản số 261/UBDT- DTTS gửi các bộ,

ngành và hướng dẫn các địa phương thực hiện Đề án "Tăng cường vai trò của người uy tín trong đồng bào DTTS".

Năm 2017, 10 tỉnh trong khu vực được thông báo danh sách có 4.919 người uy tín trong đồng bào DTTS. Các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng với kế hoạch vốn là 10.401,04 triệu đồng để thực hiện chính sách trong năm 2017. Hiện nay các địa phương đang tích cực triển khai thực hiện chính sách theo quy định.

- Chính sách cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 633/QĐ- TTg ngày 19/4/2016, Quyết định 59/QĐ-TTg ngày 16/01/2017:

Các ấn phẩm báo, tạp chí được cấp phát đúng đối tượng thụ hưởng đã góp phần tuyên truyền về phát triển KT-XH, xóa đói giảm nghèo, giữ gìn bản sắc dân tộc, giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức và cảnh giác trước âm mưu của các thế lực thù định, phê phán, đẩy lùi các tệ nạn xã hội,...

Tuy nhiên, một số địa phương việc cấp phát chưa kịp thời đến đối tượng thụ hưởng đã ảnh hưởng đến hiệu quả của chính sách.

- Triển khai *Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2017-2020 và Quyết định số 2086/QĐ- TTg ngày 31/10/2016 về đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các DTTS rất ít người giai đoạn 2016- 2025.*

Ngày 22/5/2017, Ủy ban Dân tộc đã ban hành Thông tư số 02/2017/TT-UBDT hướng dẫn thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg, hiện đang hoàn thiện dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện Quyết định 2086/QĐ-TTg. Do ngân sách nhà nước khó khăn nên đến nay các địa phương chưa được bố trí vốn để thực hiện 02 Quyết định trên.

Tại các địa phương, UBND tỉnh đều giao cho Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan tham mưu, đề xuất triển khai các nội dung của quyết định. Hiện nay, các địa phương tiếp tục rà soát, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ đầu tư, xây dựng Đề án trình UBND tỉnh xin ý kiến Ủy ban Dân tộc trước khi phê duyệt.

- Đề án "Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào DTTS" theo Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015:

Năm 2016, các tỉnh Gia Lai, Bình Định, Quảng Ngãi, Phú Yên được bố trí 1.113,5 triệu đồng[10] thực hiện Đề án "Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS trên địa bàn giai đoạn 2015 - 2020". Các địa phương đã xây dựng kế hoạch và tích cực triển khai thực hiện các nội dung của mô hình điểm: tổ chức các hoạt động truyền thông, vận động, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi trong hôn nhân và tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào DTTS trên địa bàn. Đây là mô hình điểm rất thiết thực cần nhân rộng ra nhiều địa phương, để cộng đồng các DTTS có thể nhận thức và ý thức pháp luật,

[10] Bình Định 290 triệu đồng; Quảng Ngãi 701,70 triệu đồng; Phú Yên 121,5 triệu đồng

trong hôn nhân của đồng bào DTTS, để góp phần nâng cao chất lượng dân số và nguồn nhân lực trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn.

Năm 2017, Ủy ban Dân tộc đã tổ chức tập huấn, hướng dẫn triển khai thực hiện và xây dựng mô hình điểm tại tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk và Ninh Thuận.

Các tỉnh Khánh Hòa, Bình Định, Quảng Ngãi, đã được phân bổ vốn với tổng kinh phí là 897 triệu đồng. Các địa phương đang triển khai thực hiện.

- Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS theo Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ

Hiện nay, Ủy ban Dân tộc đang tập trung nghiên cứu, xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức theo 4 nhóm đối tượng của Quyết định số 402/QĐ-TTg. Triển khai công tác thu thập thông tin, dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị; lập kế hoạch tổ chức "Thí điểm" các lớp bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức theo 4 nhóm đối tượng trong hệ thống chính trị. Dự kiến hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Xây dựng chương trình bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc 4 nhóm đối tượng" vào tháng 12/2017.

Các địa phương trong khu vực đang từng bước hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức người DTTS đảm bảo tỉ lệ cơ cấu hợp lý theo mức tối thiểu tại Quyết định số 402/QĐ-TTg Tỉnh Kon Tum UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 568/KH-UBND ngày 7/3/2017 triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn; tỉnh Đăk Nông, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 254/KH-UBND ngày 11/5/2017 về thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Tỉnh Khánh Hòa thực hiện Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-BNV-UBDT ngày 11/9/2014 của Bộ Nội vụ và Uỷ ban Dân tộc, UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 28/7/2015 về việc đẩy mạnh thực hiện chính sách cán bộ, công chức, viên chức người DTTS trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện Quyết định 1557/QĐ- TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt một số chỉ tiêu thực hiện các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đối với đồng bào DTTS gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015.

Ngay sau khi Quyết định 1557 được ban hành, Ủy ban Dân tộc đã chủ động xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện và kế hoạch hành động thực hiện Quyết định 1557 của Ủy ban Dân tộc; tổ chức các hội thảo tham vấn các dự thảo văn bản trên. Trong khu vực 10 tỉnh, đã có 06 tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện QĐ 1557 gồm: tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Đắk Lắk, Lâm Đồng và Đăk Nông.

- Thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

Ngày 30/3/2017, Ủy ban Dân tộc đã ban hành văn bản số 284/UBDT-CSDT hướng dẫn các Bộ, ngành và địa phương triển khai Nghị quyết 52/NQ-CP.

Đến nay đã có 7/10 tỉnh của khu vực Miền Trung - Tây Nguyên ban hành kế hoạch, văn bản triển khai Nghị quyết gồm: Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Phú Yên, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk và Đắk Nông.

2.2. Một số chính sách dân tộc do các Bộ, ngành quản lý:

Các bộ, ngành với chức năng, nhiệm vụ của mình đã chủ động tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung xây dựng nhiều chính sách mới nhằm hỗ trợ phát triển bền vững cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Nhiều chính sách mới được ban hành trong năm 2016 và 6 tháng đầu năm 2017 như:

- Bộ NN&PTNT tham mưu ban hành Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 ban hành về CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

- Bộ LĐTB&XH tham mưu ban hành Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 phê duyệt CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trong đó tiếp tục ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo DTTS;

- Bộ GD&ĐT tham mưu ban hành Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn ĐBKK và Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày tháng năm phê duyệt Đề án Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng DTTS giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025 (Bộ GD&ĐT); Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên DTTS ít người đối với 16 dân tộc có số dân dưới 10.000 người;

- Bộ Nội vụ tham mưu ban hành Quyết định số 402/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức DTTS trong thời kỳ mới; Quyết đinh số 163/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đòa tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2020, trong đó khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức nữ, người DTTS, công tác tại vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội ĐBKK học tập, nâng cao trình độ, năng lực làm việc;

- Bộ Văn hóa TT&DL tham mưu ban hành Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/5/2017 Phê duyệt "Chính sách đặc thù hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tới vùng sâu, vùng xa, vùng DTTTS, vùng biên giới hải đảo, vùng ĐBKK";

- Bộ Quốc phòng xây dựng hoàn chỉnh 04 Đề án: "Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao từ số thanh niên DTTS đang tại ngũ cho các DTTS dưới 10.000 người cư trú ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới", "Tăng cường sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ đội Biên phòng xuống các xã trọng điểm ở khu vực biên giới", "Liên kết với chính quyền địa phương mở lớp học tiếng dân tộc cho cán bộ chiến sỹ hiện đang công tác ở vùng dân tộc

thiểu số ở khu vực biên giới", "Nâng cấp xây dựng mới các bệnh xá quân dân y kết hợp vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở khu vực biên giới"...

2.3 Chính sách riêng của các địa phương *(Phụ lục 5)*

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những thuận lợi

Trong 6 tháng đầu năm 2017, công tác dân tộc tiếp tục nhận được sự quan tâm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và sự phối hợp của các bộ, ngành.

Ủy ban Dân tộc tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, có hiệu quả xây dựng và ban hành Thông tư số 01/2017/TT-UBDT ngày 10/5/2017 Quy định chi tiết thực hiện Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Thông tư số 02/2017/TT-UBDT ngày 22/5/2017 Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 2085/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020; xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020; Dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 2086/2016/QĐ-TTg,... Công tác quản lý nhà nước về công tác dân tộc tiếp tục được tăng cường; các nguồn vốn thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc được các Bộ, ngành Trung ương quan tâm giao vốn để thực hiện ngay từ đầu năm.

Các Chương trình, chính sách được triển khai kịp thời, đúng đối tượng; công tác phối hợp thực hiện chính sách và theo dõi chính sách, nắm tình hình vùng dân tộc được Ủy ban Dân tộc quan tâm thực hiện. Các chính sách được triển khai đảm bảo nguyên tắc dân chủ, công khai, có sự tham gia của người dân trong việc lựa chọn đối tượng, nội dung đầu tư, hỗ trợ, giám sát quá trình tổ chức thực hiện chính sách; cơ chế quản lý, điều hành được phân cấp rõ ràng, thuận lợi trong quá trình thực hiện các chương trình, chính sách.

Các địa phương đã có nhiều cố gắng trong thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc đã góp phần rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững anh ninh chính trị trên địa bàn.

2. Những khó khăn, tồn tại và nguyên nhân

2.1. Tại Trung ương

- Vốn thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2017-2020 và Quyết định số 2086/QĐ- TTg ngày 31/10/2016 về đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các DTTS rất ít người giai đoạn 2016- 2025 chưa được bố trí để triển khai thực hiện.

- Năm 2017, ngân sách TW chưa bố trí vốn cho Ủy ban Dân tộc để thực hiện chính sách đối với người uy tín; đặc biệt là không có kinh phí để triển khai

thực hiện Đề án "Tăng cường vai trò của người uy tín trong vùng DTTS" theo Quyết định 2561/QĐ-TTg ngày 31/12/2016.

- Tiến độ triển khai dự án các công trình hạ tầng thuộc Chương trình 135 còn chậm do phải thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định. Việc quản lý thiếu chặt chẽ nhất là đối với các công trình do xã làm chủ đầu tư. Việc ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo chưa được ban hành.

- Công tác phối hợp giữa các bộ, ngành trong việc xây dựng các thông tư, văn bản hướng dẫn thực hiện một số chính sách dân tộc chưa chặt chẽ, các văn bản hướng dẫn thường ban hành chậm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện.

- Sự phối hợp của các Bộ ngành trong đề xuất tích hợp Quyết định 102/2009/QĐ-TTg vào Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016–2020, thông qua việc bổ sung nguồn vốn vào Chương trình để thực hiện dự án hỗ trợ sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo còn chậm, gây nhiều khó khăn, lúng túng trong triển khai thực hiện chính sách năm 2016 và 2017.

2.2. Tại địa phương

- Công tác chủ trì, phối hợp của một số cơ quan thường trực với các sở, ngành liên quan trong việc tham mưu cho UBND tỉnh và triển khai tổ chức thực hiện các chính sách dân tộc còn nhiều hạn chế. Một số địa phương chưa thực sự quyết liệt trong công tác chỉ đạo đôn đốc tổ chức, thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc; tiến độ thực hiện còn chậm; giải ngân và cung ứng các loại giống cây trồng, vật nuôi còn chậm, chưa kịp thời.

- Nguồn lực đầu tư thực hiện của chương trình, dự án bố trí chưa đáp ứng yêu cầu thực tế, định mức suất đầu tư thấp và cơ cấu phân bổ chưa phù hợp với thực trạng và điều kiện kinh tế xã hội của các địa phương. Giải ngân chưa đảm bảo cho các mục tiêu và kế hoạch được phê duyệt, có chính sách cấp vốn thiếu đồng bộ.

- Việc xã hội hóa huy động nguồn lực địa phương, các doanh nghiệp, cộng đồng tham gia vào các chương trình, chính sách còn hạn chế. Việc lồng ghép các chính sách khó thực hiện do mỗi chính sách có mục tiêu, định mức, cơ quan quản lý và hướng dẫn riêng.

- Tình trạng thiếu việc làm, thu nhập thấp, chất lượng nguồn nhân lực thấp, tỉ lệ hộ nghèo DTTS còn cao.

- Công tác kiểm tra, giám sát chưa được coi trọng, thực hiện chưa thường xuyên. Đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc còn hạn chế về năng lực, chưa nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của người dân ...

- Công tác tuyên truyền các chính sách, pháp luật của Nhà nước trong vùng đồng bào DTTS và miền núi ở một số địa phương chưa được thường xuyên;

một số nơi, người dân chưa hiểu được đầy đủ về các chính sách chưa cố gắng vươn lên thoát nghèo, vẫn còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng.

- Một số tỉnh vẫn chưa ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định 1557/QĐ-TTg hoặc có lập Kế hoạch nhưng chưa chú trọng lồng ghép với các nhiệm vụ của địa phương.

- Năm 2017 là năm đầu tiên thực hiện Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, phải thực hiện các quy trình theo quy định, sẽ kéo dài thời gian thực hiện ảnh hưởng đến tiến độ triển khai chính sách.

2.3. Nguyên nhân của những hạn chế

Công tác dân tộc là là lĩnh vực tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực, nhạy cảm, phức tạp. Địa bàn rộng, thời tiết diễn biến thất thường, thiên tai thường xuyên xảy ra và gây hậu quả thiệt hại nhiều đến người và tài sản của người dân trong khu vực. Tình hình an ninh chính trị tại các tỉnh Tây Nguyên tiềm ẩn những yếu tố phức tạp. Đặc diểm, tính chất công tác dân tộc của các tỉnh Nam, Trung trung bộ có nhiều nét khác với khu vực Tây Nguyên.

Nguồn lực đầu tư vào vùng DT&MN còn thấp, nhất là kinh phí bố trí thực hiện các chính sách dân tộc chưa đảm bảo, không đồng bộ, thiếu kịp thời, ảnh hưởng đến mục tiêu và hiệu quả của chính sách.

Một số tỉnh, địa phương lập kế hoạch và giao vốn chậm, chỉ đạo điều hành công tác dân tộc thiếu quyết liệt, ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2017

Trong 6 tháng cuối năm, Ủy ban Dân tộc đề nghị các Ban Dân tộc trong khu vực thực hiện tốt những nội dung sau:

1. Tiếp tục theo dõi, nắm chắc tình hình vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để chủ động tham mưu cho UBND tỉnh và phối hợp với các sở, ngành liên quan giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh trên địa bàn.

2. Triển khai thực hiện hiệu quả các Đề án, chính sách dân tộc theo kế hoạch được giao năm 2017 trong đó chú trọng việc thực hiện hợp phần nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở và cộng đồng thuộc Chương trình 135 năm 2017.

3. Tổng hợp nhu cầu hỗ trợ, danh mục đầu tư các dự án thành phần theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện, giải ngân kinh phí các chương trình, chính sách đảm bảo đúng đối tượng, mục

đích và các quy định; chấn chỉnh công tác quản lý đầu tư xây dựng theo các quy định hiện hành để các chính sách dân tộc thực hiện có quả.

5. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động, hướng dẫn người dân phát huy tính chủ động, sáng tạo, không trông chờ, ỷ lại sự đầu tư của Nhà nước, quyết tâm xây dựng kinh tế cho gia đình chủ yếu bằng các nguồn lực của gia đình

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương:

1.1. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ: Xem xét bố trí vốn thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg, 2086/QĐ-TTg ngày 31/10/2016; 59/QĐ-TTg; Quyết định 2561/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 và Quyết định số 498/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Có các giải pháp xử lý về kinh phí thực hiện CT 135 do các địa phương đã thực hiện đối với các thôn, xã không thuộc ĐBKK theo QĐ 50/QĐ-TTg; (Các Quyết định được ban hành sau khi dự thảo chi nguồn ngân sách xin được cấp bổ sung từ nguồn dự phòng nhà nước năm 2017).

1.2. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNN: Sớm ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo, Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững.

1.3. Đề nghị các bộ, ngành:

- Hướng dẫn địa phương lồng ghép nguồn vốn triển khai chương trình, chính sách đầu tư trong vùng đồng bào DTTS và miền núi nhằm tập trung nguồn lực, thực hiện có hiệu quả.

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân công tại Nghị định 05/2011/NĐ-CP về công tác dân tộc và các chính sách dân tộc bộ, ngành mình đang quản lý.

2. Đối với Tỉnh ủy, UBND các tỉnh:

2.1. Ban hành Nghị quyết riêng của Tỉnh về công tác dân tộc để có cơ sở cho các sở, ngành thực hiện thực hiện, đảm bảo công tác dân tộc, chính sách dân tộc hiệu quả.

2.2. Chỉ đạo các sở ngành liên quan phối hợp chặt chẽ với Ban Dân tộc tỉnh hướng dẫn, đôn đốc và giám sát chặt chẽ các huyện thị và đơn vị thực hiện chính sách dân tộc.

2.3. Thực hiện lồng ghép các chỉ tiêu phát triển DTTS theo Quyết định 1557/QĐ- TTg vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2.4. Đẩy mạnh việc dạy nghề, giải quyết việc làm, thu hút lao động DTTS vào làm tại các doanh nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào vùng DTTS để thu hút lao động người DTTS tham gia.

2.5. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, sử dụng cán bộ DTTS ở tất cả các ngành các cấp. Đảm bảo tỉ lệ CBCC, VC người DTTS tại các cơ quan, tổ chức đơn vị theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2014/TT- BNV- UBDT.

2.6. Quan tâm đến công tác cử tuyển, đổi mới phương thức đào tạo cử tuyển, theo hướng cấp tỉnh quyết định ngành nghề đào tạo và bố trí sử dụng sau khi đào tạo, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương; khắc phục dần tình trạng sau khi đào tạo cử tuyển không phân được công tác.

2.7. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ khám chữa bệnh cho hộ DTTS nghèo, người dân sống tại vùng khó khăn và ĐBKK.

2.8. Tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm các vụ tranh chấp, khiếu kiện đông người, nhất là những nội dung tranh chấp liên quan đến vấn đề đất đai. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước.

2.9. Tích cực tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước theo nội dung và hình thức phù hợp với trình độ nhận thức của đồng bào các dân tộc. Cương quyết đấu tranh với những luận điệu xuyên tạc, lợi dụng vấn đề dân tộc để phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

Trên đây là Báo cáo tình hình công tác dân tộc, chính sách dân tộc địa bàn10 tỉnh khu vực Miền Trung - Tây Nguyên 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2017 của Ủy ban Dân tộc./.

Nơi nhận:
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm (để b/c);
- Ban Chỉ đạo Tây Nguyên;
- Các Thứ trưởng, PCN UBDT;
- Các Vụ, đơn vị thuộc UBDT;
- UBND tỉnh và Ban Dân tộc 10 tỉnh Khu vực Miền Trung - Tây Nguyên;
- Cổng TTĐT UBDT;
- Lưu VT, ĐPII. 19

KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM

Nông Quốc Tuấn

Phụ lục 1

TỔNG HỢP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÁC TỈNH MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN NĂM 2017

(Kèm theo Báo cáo số : 92/BC-UBDT, ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban Dân tộc)

Tt	Tỉnh	Thành phố trực thuộc tỉnh	Thị xã	Huyện	Cấp xã				Thôn ĐBKK, xã thuộc KV III, II, I theo QĐ 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017				Các huyện NQ 30a		Triển khai NQ 52	Triển khai QĐ 1557	Tổng diện tích (km2)
					Tổng số	Xã	Phường	Thị trấn	Xã KV III	Xã KV II	Xã KVI	Thôn đbkk	30a	QĐ 293 5/2/2013			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Quảng Nam	2	1	15	247	210	25	12	63	47	12	359	3	2		x	10,438
2	Quảng Ngãi	1		13	184	166	9	9	46	33	4	266	6		x		5,153
3	Bình Định	1	1	9	159	126	21	12	31	18	4	197	3			x	6,850.6
4	Phú Yên	1	1	7	112	91	16	5	16	24	5	105		2	x		5,060.5
5	Khánh Hoà	2	1	6	140	99	35	6	6	29	16	65			x	x	5,217.7
6	Kon Tum	1		9	102	86	10	6	49	28	25	429	2	3	x	x	9,689.6
7	Gia Lai	1	2	14	222	184	24	14	61	107	54	664		4	x		15,536.9
8	Đắk Lắk	1	1	13	184	152	20	12	45	87	52	662			x	x	13,125.4
9	Đắk Nông		1	7	71	61	5	5	12	44	15	179			x		6,515.6
10	Lâm Đồng	2		10	147	117	18	12	8	62	77	150	1				9,773.5
Tổng		**12**	**8**	**103**	**1,568**	**1,292**	**183**	**93**	**337**	**479**	**264**	**3,076**	**15**	**11**	**7**	**5**	**87,360.8**

Phụ lục 2

TỔNG HỢP CHƯƠNG TRÌNH 135 CÁC TỈNH KHU VỰC MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN

(Kèm theo Báo cáo số: 92 /BC-UBDT, ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban Dân tộc)

TT	Đơn vị	Năm 2016 theo QĐ 551/QĐ							Năm 2017 theo QĐ 1722							Kết quả thực hiện
		Tổng kế hoạch vốn	ĐTPT	PTSX	Đào tạo	DT BD	Các HM CT và DT BD	(%) Thực hiện đến 31/12 2016	Kế hoạch vốn giao	ĐTPT	DT BD	Đào tạo	Hỗ trợ PTSX			
													Tổng vốn	Phát triển SX	Nhân rộng MH	
1	Quảng Nam	123,632	90,600	26,850		5,707	26	99,7	121,678	90,600	5,493	2,193	23,392	22,692	700	
2	Quảng Ngãi	78,858	58,500	19,000	2,390	1,718	149	52	87,148	64,800	3,928	1,592	16,828	16,228	600	
3	Bình Định	41,111	30,420	8,755		1,916	47	100	45,662	33,800	2,049	850	8,963	8,463	500	
4	Phú Yên	31,343	23,220	6,665		1,456	90	100	32,570	24,000	1,455	606	6,509	6,009	500	
5	Khánh Hòa	9,400	6,600	1,900	420	419		90	4,700	2,000	0	0	2,700	0	0	
6	Kon Tum	81,694	60,300	21,394				84,5	93,387	69,400	4,207	1,699	18,081	17,381	700	
7	Gia Lai	141,353	105,120	29,610		6,521	291	95	156,848	116,800	7,081	3,030	29,937	29,237	700	
8	Đăk Lăk	79,736	59,220	16,785		3,731	157	95	92,571	68,800	4,171	1,777	17,823	17,223	600	
9	Đăk Nông	50,317	37,260	11,240	781			100	56,184	41,600	2,522	1,046	11,016	10,416	600	
10	Lâm Đồng	62,123	46,080	13,200		2,843	125	100	60,741	45,000	2,728	1,147	11,866	11,266	600	
Tổng		**699,567**	**517,320**	**155,399**	**3,591**	**24,311**	**885**	**92**	**751,489**	**556,800**	**33,634**	**13,940**	**147,115**	**138,915**	**5,500**	

Phụ lục 3

TỔNG HỢP CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TRỰC TIẾP THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 102/2009/QĐ-TTg KHU VỰC MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN

(Kèm theo Báo cáo số: 92 /BC-UBDT, ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban Dân tộc)

TT	Địa phương	Kinh phí năm 2016	kinh phí thực hiện	Thực hiện đến 31/12/ 2016	Kế hoạch năm 2017	Kết quả thực hiện	Hình thức hỗ trợ: Tiền mặt (TM), Hiện vật (HV)
1	Quảng Nam	10,679	10,679	100	17,887		TM+HV: giống cây/con, muối, thuốc thú y
2	Quảng Ngãi	13,376	5,444	41	12,419		TM+HV: giống cây, con, phân bón, muối
3	Bình Định	8,684	8,684	100	5,814		TM+HV: muối. Tỉnh đã nhận đủ kinh phí
4	Phú Yên	6,289	6,289	100	7,163		TM
5	Khánh Hòa	3,393	3,393	100	1,235		Ngân sách địa phương + Trung ương
6	Kon Tum	9,463	8,913	94	8,128		TM+HV: giống cây, con
7	Gia Lai	22,026	21,740	99	21,978		HV: Giống cây, con
8	Đắk Lắk	30,971.7	30,971.7	100	25,148		TM–HV: giống cây, con, phân bón, thuốc thú y
9	Đăk Nông	10,438	9,383	90	8,548		HV: Giống cây, con, muối
10	Lâm Đồng	2,000	2,000	100	3,652		TM
Tổng cộng		**117,320**	**107,497**	**91.63**	**111,972**		

Phụ lục 4

TỔNG HỢP CHÍNH SÁCH NGƯỜI CÓ UY TÍN THEO QUYẾT ĐỊNH 18/QĐ-TTg VÀ QUYẾT ĐỊNH 56/QĐ-TTg KHU VỰC MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN

(Kèm theo Báo cáo số : 92 /BC-UBDT, ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban Dân tộc)

STT	Đơn vị	Năm 2016				Năm 2017			
		Số người	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp tập huấn	Đi học tập kinh nghiệm	Số lượt người tham gia	Kinh phí (triệu đồng)	Số lớp tập huấn	Đi học tập kinh nghiệm
1	Quảng Nam	384	745	2		385	940	1	1
2	Quảng Ngãi	366	2,727	7	6	366	2,566		
3	Bình Định	122	810	1	2	122	592		
4	Phú Yên	118	567	1	1	118	729	1	
5	Khánh Hòa	89	301.916			89	413.598		
6	Kon Tum	763	1,802	2	2	804	810	3	
7	Gia Lai	1,257	1,978.79			1,225	937		
8	Đắk Lắk	1,026	1,507	2	1	1,018			
9	Đăk Nông	299	327	1	2	303	683		
10	Lâm Đồng	494	990	1	1	489	2,730.44		
Tổng		**4,918**	**11,755.71**	**17**	**15**	**4,919**	**10,401.04**	**5**	**1**

Phụ lục 5

TỔNG HỢP CÁC CHÍNH SÁCH CỦA ĐỊA PHƯƠNG KHU VỰC MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN

(Kèm theo Báo cáo số : 92 /BC-UBDT, ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban Dân tộc)

Tỉnh	Nội dung chính sách	Tình hình thực hiện chính sách
2	*3*	*4*
Quảng Nam	- Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 19/4/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025. Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 19/4/2017 của của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích thoát nghèo bền vững tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2017-2021. - Chính sách hỗ trợ đào tạo lao động cho Chương trình, dự án trọng điểm và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 3577/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của UBND tỉnh)	Kinh phí ngân sách tỉnh cấp để thực hiện 5.928.000.000 đồng (Năm tỷ chín trăm hai tám triệu đồng). Chính sách chi hỗ trợ mua bảo hiểm y tế: Tổng số thẻ 41.696 thẻ, số tiền chi 6.806.704.000 đồng.
Quảng Ngãi	Chính sách cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số trong dịp Tết Nguyên đán Đinh Dậu năm 2017	các địa phương đã cấp phát 18.890 kg bột ngọt; 99.466 lít nước mắm; 49.773 lít dầu ăn cho đồng bào DTTS ở vùng miền núi của tỉnh.
	Thực hiện công tác tuyên truyền đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.	Từ kinh phí hỗ trợ 41 triệu đồng của Ban an toàn Giao thông về tổ chức công tác tuyên truyền cho vùng đồng bào dân tộc và miền núi, Ban Dân tộc đang xây dựng kế hoạch thực hiện.
	Chương trình giáo dục đời sống gia đình trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 1693/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND tỉnh	Trong năm 2017 là 156 triệu đồng, Ban Dân tộc tỉnh đang xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình này.

Bình Định	Thực hiện Quyết định số 4212/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số theo Nghị quyết 39-NQ/TW ngày 16/8/2004 của Bộ Chính trị	Kế hoạch thực hiện năm 2017 dự kiến khoảng 17.239,746 triệu đồng cho các chính sách: cấp muối I Ốt cho đồng bào dân tộc thiểu số, hỗ trợ học bổng cho học sinh dân tộc thiểu số các cấp, hỗ trợ tiền điện cho đồng bào dân tộc thiểu số (114,895 trđ - trừ đối tượng được hưởng theo Quyết định 28)
	Quyết định số 3593/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược và CTHĐ của Chính phủ thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh	Kinh phí UBND tỉnh giao: 100 triệu đồng. Hiện nay Ban Dân tộc đang triển khai thực hiện xây dựng Đề án phát triển cây trồng, vật nuôi và cây đặc sản vùng dân tộc thiểu số tỉnh đến năm 2025.
Khánh Hòa	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi theo Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND ngày 11/8/2016 Thực hiện Đề án "Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025" theo Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình "Sữa học đường" tại 2 huyện miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh giai đoạn 2016 - 2020.	Tổng nguồn vốn phân bổ năm 2017 là 33.000 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển: 24.000 triệu đồng; Vốn sự nghiệp: 9.000 triệu đồng, thực hiện các nội dung: Tuyên truyền, phổ biến GDPL, hỗ trợ mô hình phát triển kinh tế hộ, thoát nghèo bền vững, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công, thăm quan học tập, hỗ trợ nước sinh hoạt. Toàn tỉnh hiện có hơn 8.000 học sinh, sinh viên là con em đồng bào DTTS đang theo học từ tiểu học đến trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học được thụ hưởng chế độ học bổng theo NQ số 17/2012/NQ-HĐND ngày 28/6/2012 của HĐND tỉnh.
	Nghị quyết số 26/2009/NQ-HĐND ngày 15/12/2009 của HĐND tỉnh về hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh cho người nghèo, vùng khó khăn; Nghị quyết số 30/2012/NQ-HĐND ngày 05/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ tiền ăn cho bệnh nhân; Nghị quyết số 06/2014/NQ-HĐND ngày 09/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Hỗ trợ 5% chi phí khám, chữa bệnh cho các đối tượng thuộc hộ gia đình nghèo; đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, đặc biệt khó khăn. Hỗ trợ tiền ăn cho bệnh nhân điều trị nội trú là đồng bào DTTS, người thuộc diện hộ nghèo và người được nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội (3% mức lương tối thiểu chung/ người bệnh/ ngày). hỗ trợ 100% kinh phí mua bảo hiểm y tế cho người đồng bào dân tộc thiểu số nghèokhông thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn trên địa bàn; Hỗ trợ 100% kinh phí mua bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh.

Kon Tum	Chính sách đối với đồng bào DTTS tiêu biểu trong các lĩnh vực Theo Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Kon Tum	UBND tỉnh cấp để tổ chức biểu dương, thăm hỏi đối với các hộ, cá nhân đồng bào DTTS tiêu biểu năm 2017: 261 triệu đồng. Đã tổ chức Hội nghị biểu dương cá nhân người DTTS tiêu biểu năm 2017 với 60 đại biểu tham dự và thăm hỏi, tặng quà cho 400 hộ gia đình, cá nhân đồng bào DTTS tiêu biểu có thành tích trong mọi lĩnh vực năm 2017 trên địa bàn, đạt 100% kế hoạch.
	Chính sách cao su tiểu điền, cà phê xứ lạnh.	UBND các huyện Đăk Glei, Tu Mơ Rông, Kon Plông đang triển khai thực hiện trên địa bàn các huyện, thành phố theo kế hoạch đề ra.
Đăk Nông	- Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND ngày 15/4/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất đối với hộ gia đình đồng bào DTTS tại chỗ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2015 – 2020	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm Ban Dân tộc phối hợp với Sở Tài chính đã giải quyết cho 123 hồ sơ với kinh phí 285,372 triệu đồng.
	Quyết định số 1844/QĐ-UBND ngày 24/10/2016 UBND tỉnh Đắk Nông về việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên DTTS thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Đắk Nông từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 – 2021	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm, đã hỗ trợ cho 52 học sinh sinh trên địa bàn với kinh phí là 639,5 triệu đồng.
	- Chương trình hành động số 04-CTr/TU, ngày 18/4/2011 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác DTTS giai đoạn 2011-2016. - Thực hiện Chỉ thị số 04-CT/TU, ngày 07/5/2004 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc kết nghĩa giữa các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể, các tổ chức kinh tế, lực lượng vũ trang đối với bon, buôn đồng bào DTTS tại chỗ và Quyết định số 484/QĐ-UB, ngày 24/5/2004 của UBND tỉnh, về việc tổ chức kết nghĩa với các bon, buôn đồng bào DTTS tại chỗ	Từ nguồn kinh phí hỗ trợ UBND tỉnh về quy định kinh phí thăm, tặng quà các đơn vị, cá nhân tiêu biểu và gia đình chính sách nhân dịp tết Nguyên đán Đinh Dậu năm 2017, mỗi cơ quan, đơn vị được hỗ trợ 6 triệu đồng để thăm, hỏi bon/buôn đồng bào nhân dịp Tết. Tổng kinh phí ngân sách địa phương chi cho chính sách là 408 triệu đồng. Ngoài nguồn kinh phí của tỉnh hỗ trợ, các huyện, thị xã cũng đã huy động bằng nhiều chương trình, nguồn lực tổ chức thăm hỏi, động viên, nắm bắt tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các bon, buôn được các đơn vị giao kết nghĩa.

Lâm Đồng	Chính sách trợ giá giống cây trồng	Vốn phân bổ năm 2017 là: 8.907,900 triệu đồng. Trợ giá cho 760 tấn lúa giống (3.800 triệu đồng), 75 tấn bắp giống (1.125 triệu đồng) và 1.270 ha giống cây trồng các loại (3.982,900 triệu đồng) Ban Dân tộc đã trình UBND tỉnh phê duyệt phương án triển khai thực hiện hỗ trợ trực tiếp và trợ giá giống cây trồng.
	Hỗ trợ cho học sinh, sinh viên đang theo học tại các trường ĐH, CĐ, TCCN (theo Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND)	Tổng kinh phí đã thực hiện năm học 2016- 2017 là 9.086,615 triệu đồng, hỗ trợ cho 3.999 HS,SV. Đến tháng 6/2017, đã phân bổ 4.490 triệu đồng cho các địa phương chi trả cho đối tượng thụ hưởng (đã chi trả 3.567 triệu đồng cho 2.214 em, đạt 79% kế hoạch đối với vốn đã cấp), số kinh phí còn lại Bna Dân tộc đã có văn bản đề nghị Sở Tài chính tiếp tục phân bổ cho các địa phương để cấp kịp thời cho các em.